



Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TÀN SÓ VÔ TUYẾN ĐIỆN, LUẬT VIỄN THÔNG, LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ VÀ LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15 và Luật số 24/2023/QH15, Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15, Luật số 112/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 148/2025/QH15, Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 5 như sau:

“h) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 18 như sau:

“d) Trường hợp đặc biệt, bằng tần quy định tại khoản 2 Điều này được cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh với thời hạn không quá 05 năm để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm lập đề án sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, ý kiến Bộ Công an đối với đề án do Bộ Quốc phòng lập, ý kiến Bộ Quốc phòng đối với đề án do Bộ Công an lập để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trước khi Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép.

Đề án phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; an toàn, bảo vệ bí mật nhà nước; sự cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông; xác định cụ thể nhiệm vụ quốc phòng, an ninh giao cho doanh nghiệp; xác định lượng tần số phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chiếm tỷ lệ cơ bản trên tổng lượng tần số đề nghị cấp phép.

Trước khi giấy phép hết thời hạn 09 tháng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức đánh giá hiệu quả việc sử dụng băng tần đã cấp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định dừng hoặc tiếp tục thực hiện đề án không quá 10 năm làm cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ gia hạn giấy phép.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này được cấp giấy phép trực tiếp phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Trường hợp cấp lại giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 20a của Luật này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20a như sau:

“4. Điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm:

a) Có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo quy định của pháp luật về viễn thông;

b) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật đối với băng tần, kênh tần số đã cấp trước đó được đề nghị cấp lại.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Điều kiện để được cấp giấy phép bao gồm có phương án sử dụng quỹ đạo vệ tinh hiệu quả, khả thi”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 22 như sau:

“c) Thời hạn hiệu lực của giấy phép được gia hạn không vượt quá thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với giấy phép sử dụng băng tần;”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 23 như sau:

“g) Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tương ứng bị thu hồi;”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 24 như sau:

“a) Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng;”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Chứng chỉ vô tuyến điện viên

1. Người khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư phải có giấy tờ xác nhận năng lực khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ tương ứng

(gọi chung là chứng chỉ vô tuyến điện viên) do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không trong lĩnh vực dân sự.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.”.

10. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 18a, khoản 2 Điều 19, điểm a khoản 3 Điều 20 và điểm đ khoản 1 Điều 22.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật này được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a và d khoản 1 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 37. Điều kiện về viễn thông khi tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

Doanh nghiệp được xác định đủ điều kiện về viễn thông để tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 36 của Luật này và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua hợp đồng hoặc hình thức thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu các bên không thỏa thuận được về giá chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông thì thực hiện hiệp thương theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp các bên không thống nhất được đối với các nội dung khác về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, quy định cơ chế, chính sách chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.”.

4. Thay thế, bãi bỏ các cụm từ và điều, khoản, điểm như sau:

a) Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 36;

b) Bãi bỏ cụm từ “điều kiện hoạt động,” tại khoản 4 Điều 48;

c) Thay thế cụm từ “phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh” tại điểm d khoản 1 Điều 36 bằng cụm từ “kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 28 Luật Giao dịch điện tử

“4. Chính phủ quy định chi tiết hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy; quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy và các nội dung khác quy định tại Điều này.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 như sau:

“2. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng, phê duyệt Chương trình quốc gia về phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

“2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và ban hành chương trình, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;”.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027./.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XVI, Kỳ họp thông qua ngày tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI